TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/01/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoài Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Hồng**

2. Ông **Đặng Văn Đê**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Như Điểm** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1976 (vắng mặt –có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Bá T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà H và ông T tìm hiểu nhau được được một thời gian thì sống chung với nhau vào năm 1995 và đăng ký kết hôn vào năm 1996. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, bà H đã gửi đơn ra Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa yêu cầu giải quyết ly hôn và đã có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Đến năm 2018 bà H và ông T hàn gắn được tình cảm nên về sống chung lại với nhau và đăng ký kết hôn lại ngày 25/5/2018 tại UBND xã H, thành phố Bà Rịa theo giấy chứng nhận kết hôn số 83. Sau khi sống chung lại được một thời gian đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau thường xuyên cãi nhau, ông T hay gây gỗ kiếm chuyện chửi bới bà H, không có sự quan tâm lo lắng chăm sóc cho gia đình. Từ tháng 5/2022 vợ chồng đã ly thân. Thời gian ly thân vợ chồng cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án

giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Bá T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Lê Hoài P, sinh năm 1996; Lê Thị Hoài Nh, sinh năm 2002 và Lê Thị Hoài K, sinh ngày 14/6/2005. Hiện nay cháu P và Nh đã trên 18 tuổi, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn ông Lê Bá T: Quá trình tố tụng, tòa án đã nhiều lần triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì.

Theo kết quả xác minh , ông Lê Bá T có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Tổ 9, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T, kết quả được chính quyền địa phương cho biết như sau ".. bà H và ông T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995, mâu thuẫn cụ thể giữa hai vợ chồng thì địa phương không rõ nhưng bà H và ông T hiện nay đã ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau…".

Tại phiên tòa hôm nay, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày, ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung giao cháu Lê Thị Hoài K, sinh ngày 14/6/2005 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Bá T, hiện nay ông T đang cư trú tại xã H, thành phố Bà Rịa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H yêu cầu ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Bá T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của bà H, giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã H cấp, có đủ cơ sở khẳng định bà H và ông T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2018 tại UBND xã H, thành phố Bà Rịa đây là hôn nhân hợp pháp và được công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã được Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Quá trình về sống chung lại vợ chồng vẫn không hạnh phúc, do ông T không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên dẫn đến cãi nhau, bà H và ông T đã ly thân từ tháng 05/2022. Quá trình giải quyết vụ án, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Lê Bá T vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải, kết hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung tên là Lê Hoài P, sinh năm 1996; Lê Thị Hoài Nh, sinh năm 2002 và Lê Thị Hoài K, sinh ngày 14/6/2005. Hiện cháu P và Nh đã trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét, nguyện vọng cháu K được ở với bà H, bà H có công việc ổn định, có thu nhập. Do đó, Tòa án giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi là có cơ sở. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần ghi nhận.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và đình gia sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc xin ly hôn ông Lê Bá T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Lê Bá T.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Hoài K, sinh ngày 14/6/2005 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà H và ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004812 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Ria-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND xã H; tp Bà Rịa, (Số 83);
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

LÊ THỊ HOÀI NAM